

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS - PT

Ngày 03 - 6 - 2021

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 03/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLPT-DS ngày 02/3/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự số 01/2021/DS-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐ-PT ngày 16/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐ-PT ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T

Địa chỉ: Tổ 02, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Chị Giàng Thị P - Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Vàng A C và Chị Hầu Thị X

Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vàng Thị X - Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Vàng A M - Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người phiên dịch: Bà Giàng Thị P - Địa chỉ: Số 007, phố T, tổ 22, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Vàng A C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Bùi Thị T và người đại diện theo ủy quyền chị Giàng Thị P trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Nông Thái S kết hôn với nhau năm 2001. Năm 2004 anh S công tác tại Đồn biên phòng Y, được phân công phụ trách ở Thôn H. Trong thời gian đó nhà nước khuyến khích vợ con cán bộ lên trên Y để khai hoang ruộng đất, làm ăn sinh sống và được hỗ trợ 15.000.000đồng làm nhà. Vợ chồng chị T, anh S chuyển lên Y ở và làm nhà cạnh nhà ông Tráng A S nhưng do gió to lên không ở được nên năm 2005 anh chị chuyển nhà đến thửa đất có diện tích khoảng 1,8ha. Vị trí như sau: Phía Đông và Đông Nam giáp với đường đi và khe nước; Phía Tây giáp với khe nước; Phía Nam giáp với dãy đá cao; Phía Bắc giáp với đất của ông Tráng A G.

Chị T đã canh tác trên thửa đất đó liên tục, năm 2009 anh S có trồng một số cây Sa Mộc, cây thông lên thửa đất. Năm 2011 anh S chuyển về đồn Biên phòng B công tác, chị T vẫn ở ngôi nhà và sử dụng thửa đất trên. Trong quá trình sinh sống giữa anh S và chị T phát sinh mâu thuẫn đến tháng 10/2019 thì ly hôn, khi ly hôn anh S và chị T thỏa thuận thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của chị T. Năm 2017 chị T đã chuyển nhượng thửa đất cho chị Giàng Thị P.

Đến năm 2019, anh Vàng A C và chị Hầu Thị X đến nhận đất của mình và trồng ngô nên phát sinh tranh chấp. Ngày 06/9/2019 Ủy ban nhân dân xã đã hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C và chị X trả lại diện tích đất khoảng 9000m². Trong quá trình giải quyết, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh C, chị X cùng các con Vàng A M và Vàng Thị X trả lại diện tích đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án là 13.911,7m².

Bị đơn anh Vàng A C và chị Hầu Thị X trình bày:

Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông Vàng A P (bố đẻ anh C) khai phá vào năm 1979, trong quá trình sử dụng có đào hào xung quanh để làm ranh giới, chủ yếu để trồng thảo quả. Sau khi anh C lấy vợ là chị Hầu Thị X năm 1993 thì hai vợ chồng canh tác trên thửa đất đó, phía dưới trồng thảo quả, phía trên đỉnh đồi không trồng gì. Năm 2001 thì có ông Nông Thái S (chồng của chị T) là cán bộ địa bàn phụ trách Thôn H, xã Y không có chỗ ở nên đã xin ông Vàng A P một ít đất để làm nhà ở, anh S đã làm nhà, nhưng vì ở trên cao có gió to không ở được. Anh S lại xin ông P thửa đất thấp hơn để làm nhà và đưa vợ là chị Bùi Thị T đến ở. Năm 2009 nhà nước phát cây sa mộc, cây thông cho nhân

dân trồng, lúc đó anh C trồng trên đỉnh đồi cách ngôi nhà anh S ở khoảng 20m. Lúc này anh S không được phát cây trồng, anh S xin được 4 túi cây giống trồng xung quanh nhà để chống gió nhưng không trồng xung quanh nhà mà lại trồng lấn chiếm vào khu đất của anh C. Vợ chồng anh C đã ngăn cản nhưng không được nên hai bên xảy ra tranh chấp. Năm 2018 anh S và chị T bán đất cho chị Giàng Thị P. Anh C đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y giải quyết nhưng không thành.

Hiện tại anh C và chị X cùng các con đang sử dụng 13.911,7m² đất đồi trong tổng diện tích đất 20.224,9m² như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án. Nay chị T yêu cầu anh C, chị X trả lại 13.911,7m² anh chị không đồng ý. Đối với diện tích chị T đang sử dụng là 6.313,1m² đất đó là của chị T, anh, chị không yêu cầu chị T trả lại. Đối với ngôi nhà trên đất trong trường hợp anh, chị được sử dụng diện tích đất hiện tại thì anh, chị yêu cầu chị T phải tháo dỡ, di chuyển nhà đi nơi khác trả lại đất cho anh chị.

Ngày 05/10/2020 anh Vàng A C và chị Hầu Thị X có đơn phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu tuyên vô hiệu Giấy chuyển nhượng đất giữa chị Bùi Thị T và chị Giàng Thị P ngày 01/6/2017. Ngày 18/11/2020 anh C, chị X đã có đơn rút yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vàng A M trình bày:

Anh là con của ông Vàng A C và chị Hầu Thị X, hiện tại anh đang sống cùng với bố mẹ tại Thôn H, xã Y, diện tích đất chị T đang tranh chấp với bố mẹ anh hiện tại anh cũng đang sử dụng trồng ngô chung cùng với bố mẹ. Anh Vàng A M nhất trí với trình bày của ông C, bà X về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp và có cùng quan điểm không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị X trình bày:

Chị là con của ông Vàng A C, bà Hầu Thị X và có tên trong sổ hộ khẩu cùng với bố mẹ tại Thôn H, xã Y. Năm 2014 chị đi lấy chồng, được một năm thì ly hôn nên chị lại về Thôn H canh tác cùng với bố mẹ trên thửa đất mà chị T đang tranh chấp, hiện tại chị ở nhà chồng tại Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái nhưng vẫn canh tác trên Y cùng với bố mẹ, chưa cất khẩu về huyện V. Chị Vàng Thị X nhất trí với trình bày của ông C, bà X về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp và có cùng quan điểm không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100; khoản 7 Điều 166, khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc buộc ông Vàng A C, bà Hầu Thị X, anh Vàng A M, chị Vàng Thị X phải trả lại 13.911,7 m² đất, trong đó có 313,8 m² đất loại đất rừng sản xuất (gồm 5 mảnh tách rời 1,51 m²; 12,5 m²; 119,6 m²; 119,8 m² và 61,9 m²) và 13.597,9 m² loại đất chưa sử dụng cho chị Bùi Thị T.

Vị trí tứ cận 13.911,7 m² đất như sau:

- Phía Tây giáp đất của ông Tráng A G và khe nước tổng dài 163,12mét trong đó: Đoạn giáp ông Tráng A G 82,21 mét; Đoạn giáp khe nước là 80.91mét.
- Phía Bắc giáp với đường đi Trịnh Tường - Y rộng 74,07 mét.
- Phía Đông giáp với đất ông Tráng A S và ông Tráng A T dài 96,52 mét.
- Phía Nam giáp đất chị Bùi Thị T đang sử dụng rộng 130,96 mét

(Có bản trích đo địa chính kèm theo bản án, đây là một phần của bản án không thể tách rời).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông C và bà X về việc tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Bùi Thị T và chị Giàng Thị P ngày 01/6/2017 vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/02/2021, bị đơn anh Vàng A C Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện B, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Vàng A C có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ, làm căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Vàng A C:

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và trong Đơn kháng cáo bị đơn anh Vàng A C cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bố đẻ anh ông Vàng A P khai phá từ năm 1979. Trong quá trình gia đình anh sử dụng thì anh Nông Thái S (chồng chị Bùi Thị T) đã mượn một phần đất để làm nhà ở. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc khai phá cũng như cho anh Nông Thái S mượn đất.

Tòa án sơ thẩm đã lấy lời khai của những người làm chứng để xem xét về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp. Người làm chứng anh Tráng A L - Phó Chủ tịch xã Y thời điểm năm 2004 xác nhận có nghe anh Nông Thái S nói chuyện về việc anh S công tác tại Đồn biên phòng Y, phụ trách địa bàn Thôn H chuẩn bị làm nhà ở vị trí đất tranh chấp hiện nay, khi anh S làm nhà là làm trên đất bỏ hoang không có ai quản lý. Ông Tráng A G là người có đất giáp với thửa đất tranh chấp, ông Vàng A S - Nguyên Chủ tịch xã Y thời điểm năm 2004 - 2007, ông Ly Giờ C - Nguyên Bí thư Đảng ủy xã Y năm 2003, anh Hàu A S, anh Tráng A S, anh Tráng A T, anh Giàng A V, anh Hàu A C, anh Sùng A C, anh Giàng A R đều có lời khai thống nhất về việc trước khi anh S làm nhà thì vị trí đất này để cỏ mọc làm bãi chăn thả gia súc cho bà con trong thôn, không ai canh tác.

Theo đề nghị của bị đơn, Tòa án lấy lời khai của những người làm chứng là anh Hàu A V, anh Hàu A C, anh Hồ A N thì những người này khai chỉ nghe được người khác nói lại đây là đất của ông P cho anh C, các anh không trực tiếp chứng kiến việc khai phá cũng như việc anh C sử dụng. Đối với Ông Vàng A P, anh Hàu A S, anh Vàng A T, anh Vàng A T1 những người này có quan hệ anh em họ hàng của chị Hàu Thị X và anh Vàng A C nên những lời khai này là không khách quan.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2021 thì đại diện UBND xã Y cũng khẳng định diện tích đất tranh chấp trước thời điểm anh S sử dụng là bãi chăn thả gia súc không có ai quản lý sử dụng.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất:

Các bên đương sự đều cho rằng quá trình sử dụng có trồng một số cây sa mộc trên diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, theo lời khai của người làm chứng anh Giàng A R, anh Hàu A C, anh Tráng A G là người có đất giáp ranh khẳng định diện tích đất này do anh S, chị T canh tác sử dụng từ thời điểm anh S làm nhà. Ông Tráng A L - Phó Chủ tịch xã Y xác nhận năm 2009 anh S có xin được khoảng 300 cây sa mộc mang về trồng và đào hào làm ranh giới xung quanh thửa đất tranh chấp hiện nay, đến nay cây và hào xung quanh vẫn còn. Anh Hàu A C trình bày khi chăn trâu vào năm 2009 thì anh C có nói cho trâu ra chỗ khác

vì thửa đất là của nhà anh C nhưng vị trí anh Hàu A C chặn trâu là vị trí diện tích mà chị T đang sử dụng, không có tranh chấp với ai.

Theo Biên bản xác minh của TAND huyện B tại UBND xã Y và lời khai của người làm chứng ông Ly Giờ C - Nguyên Chủ tịch xã Y từ năm 2006, năm 2010 làm Bí Thư Đảng ủy xã Y, ông Tráng A L - Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Y thời gian năm 2004 và những người làm chứng cho nguyên đơn đều xác nhận từ năm 2004 anh Nông Thái S và chị Bùi Thị T sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai, chỉ đến khi chị T chuyển nhượng cho chị Púa thì mới phát sinh tranh chấp với gia đình anh C, chị X.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc thường xuyên sử dụng diện tích đất cũng như việc trồng cây thông, sa mộc trên đất đang tranh chấp hiện nay.

[2.3] Về nội dung trình bày trong đơn kháng cáo cơ bản giống với những nội dung anh C đã trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Đối với những người làm chứng ông Vàng A P, ông Tráng A L1, ông Tráng A G, ông Vàng A T, ông Tráng A T, ông Tráng A S mà anh Vàng A C liệt kê trong Đơn kháng cáo thì có một số người làm chứng Tòa án sơ thẩm đã lấy lời khai, một số người làm chứng mới anh không đề nghị Tòa án lấy lời khai cũng không nộp văn bản xác nhận của người làm chứng mà chỉ trình bày về việc những người làm chứng biết việc gia đình anh khai phá, sử dụng đất do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét.

[3] Từ những phân tích trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để nhận định, đánh giá một cách khách quan toàn diện, xác định chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Vàng A C không cung cấp được chứng cứ chứng minh nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Vàng A C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Vàng A C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 01/2021/DS-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Vàng A C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/0002017 ngày 22/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long